

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/DS-ST
Ngày 03 tháng 8 năm 2020
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly;
2. Bà Hoàng Thị THận Lai.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Không
tham gia.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2020/TLST-DS ngày 08/01/2020 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ôn Thị M, sinh năm 1956.

Cư trú: Số 300, tổ 10, ấp An Q, xã An Thạnh T, huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền hợp pháp của bà M. Có ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983. (Văn bản ủy quyền 10/02/2020). (có mặt).

Cư trú: Khóm Bình T, phường Bình K, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Trần Ngọc G, sinh năm 1972. (vắng mặt).

Cư trú: ấp Thị 2, thị trấn Mỹ L, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969. (vắng mặt).

Cư trú: ấp Thị 2, thị trấn Mỹ L, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ptrình bày: Bà Ôn Thị M và bà Trần Ngọc G quen biết, nên bà M cho bà G vay nHều lần, ngày 06/01/2018 bà G xác nhận có vay bà M số tiền 89.000.000 đồng KH vay có làm biên nhận do bà G ký tên, mục đích vay để bổ sung nguồn vốn mua bán, thời hạn vay là 06 tháng, thoả thuận lãi suất 6%/tháng; bà G chưa thực Hện việc đóng lãi cho bà M. Đến hạn trả bà M đòi lại nHều lần nhưng bà G có hứa nhưng không trả. Nay, bà M yêu cầu bà Trần Ngọc G và ông Nguyễn Văn H (là chồng bà G), nên yêu cầu bà G và ông H liên đới trả số tiền 89.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 06/01/2018 cho đến KH xét xử.

Bị đơn bà Trần Ngọc G và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia pHên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà G ông H vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không gH nhận ý kiến của bà G và ông H về nội dung đơn khởi kiện của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau KH ngHên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại pHên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Ngọc G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H đã được tổng đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn pHên tòa nhưng hôm nay bà G, ông H vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà G và ông H là đúng theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Ôn Thị M khởi kiện bị đơn bà Trần Ngọc G: Bà G có nơi cư trú tại ấp Thị 2, thị trấn Mỹ L, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy, qua lời khai của đương sự thể Hện bằng các biên nhận nợ. Tòa án xác định giữa bà M và bà G có xác lập hợp đồng vay với tổng số tiền 89.000.000 đồng (tám mươi chín triệu đồng). Xét thấy hợp đồng vay tài sản có bảo đảm được xác lập giữa bà M và bà G là hoàn toàn tự nguyện không trái với đạo đức xã hội phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự. Tại pHên Tòa hôm nay ông Phúc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tính lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, không vượt quá yêu cầu khởi

kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận. Do bà G vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên bà G và ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên cho bà M. Bà G là người trực tiếp vay và có biên nhận của bà M nhưng do bà G và ông H là vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại được quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ôn Thị M là phù hợp được quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do bà M rút lại yêu cầu đối với phần tính lãi suất.

- Buộc bà Trần Ngọc G và ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M số tiền 89.000.000 (tám mươi chín triệu) đồng.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 27 Luật hôn nhân gia đình;
- Các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Các Điều 26, 35, 126, 146, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ôn Thị M.
2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tính lãi suất.
3. Buộc bà Trần Ngọc G và ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ôn Thị M số tiền 89.000.000^d (tám mươi chín triệu đồng).
4. *Về án phí dân sự:* Bà Trần Ngọc G và ông Nguyễn Văn H liên đới phải chịu án phí 2.225.000 đồng (hai triệu, hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
5. Bà Ôn Thị M không phải chịu án phí do bà M là người cao tuổi theo Nghị quyết 326.

Kể từ ngày bản án, quyết định có Hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan tH hành án có quyền chủ động ra quyết định tH hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu tH hành án của người được tH hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được tH hành án) cho đến khi tH hành án xong, tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải tH hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải tH hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được tH hành theo quy định tại Điều 2 Luật tH hành án dân sự thì người được tH hành án dân sự, người phải tH hành án dân sự có quyền thỏa thuận tH hành án, quyền yêu cầu tH hành án, tự nguyện tH hành án hoặc bị cưỡng chế tH hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật tH hành án dân sự; thời Hệu tH hành án được thực Hện theo quy định tại Điều 30 Luật tH hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại pHên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại pHên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- CH cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Quang Thanh